

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI UBND XÃ HOÀNH SƠN  
Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2024  
(Kèm theo Thông báo số 11/TB-UBND ngày 06/02/2024 của UBND xã Hoành Sơn)

| ST<br>T   | Loại hồ sơ     | Hồ sơ tiếp nhận  |                        |                              |                             |                 |                             | Hồ sơ đã giải quyết |              |                                 |             |                                |            | Hồ sơ chưa giải quyết             |               |           | Hồ sơ đang<br>tạm dừng | Hồ sơ trả<br>lại do<br>không đủ<br>điều kiện<br>giải quyết | Hồ sơ đã<br>hủy | Ghi chú |         |
|-----------|----------------|------------------|------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|---------------------|--------------|---------------------------------|-------------|--------------------------------|------------|-----------------------------------|---------------|-----------|------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|---------|---------|
|           |                | Tổng số<br>hồ sơ | Tiếp<br>nhận<br>online | Tiếp<br>nhận<br>trực<br>tiếp | Tiếp<br>nhận<br>qua<br>dịch | Tồn kỳ<br>trước | Tiếp<br>nhận<br>trong<br>kỳ | Tổng<br>số hồ<br>sơ | Trước<br>hạn | Tỷ lệ<br>giải<br>quyết<br>trước | Đúng<br>hạn | Tỷ lệ<br>giải<br>quyết<br>đúng | Quá<br>hạn | Tỷ lệ<br>giải<br>quyết<br>quá hạn | Tổng số hồ sơ | Trong hạn |                        |                                                            |                 |         | Quá hạn |
| 1         | 2              | 3=7+8            | 4                      | 5                            | 6                           | 7               | 8                           | 9=10+<br>12+14      | 10           | 11=10/9                         | 12          | 13=12/<br>9                    | 14         | 15=14/<br>9                       | 16            | 17        | 18                     | 19                                                         | 20              | 21      |         |
| 1         | Hộ tịch        | 57               | 57                     | 0                            | 0                           | 0               | 57                          | 57                  | 57           | 100 %                           | 0           | 0 %                            | 0          | 0 %                               | 0             | 0         | 0                      | 0                                                          | 0               | 0       |         |
| 2         | Chứng thực     | 213              | 213                    | 0                            | 0                           | 0               | 213                         | 213                 | 213          | 100 %                           | 0           | 0 %                            | 0          | 0 %                               | 0             | 0         | 0                      | 0                                                          | 0               | 0       |         |
| 3         | Bảo trợ xã hội | 1                | 0                      | 0                            | 0                           | 1               | 0                           | 1                   | 1            | 100 %                           | 0           | 0 %                            | 0          | 0 %                               | 0             | 0         | 0                      | 0                                                          | 0               | 0       |         |
| 4         | Người có công  | 3                | 0                      | 0                            | 0                           | 3               | 0                           | 1                   | 0            | 0 %                             | 1           | 100 %                          | 0          | 0 %                               | 2             | 2         | 0                      | 0                                                          | 0               | 0       |         |
| TỔNG CỘNG |                | 274              | 270                    | 0                            | 0                           | 4               | 270                         | 272                 | 271          | 99.6 %                          | 1           | 0.4 %                          | 0          | 0                                 | 2             | 2         | 0                      | 0                                                          | 0               | 0       |         |

Phụ lục 2

KẾT QUẢ SỐ HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI UBND XÃ HOÀNH SƠN  
Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2024  
(Kèm theo Thông báo số 14/TB-UBND ngày 16/02/2024 của UBND xã Hoà Bình Sơn)

| Số hồ sơ tiếp nhận | Số hóa hồ sơ TTHC khi tiếp nhận |                |                                |                                      | Số hồ sơ đã giải quyết | Số hóa kết quả giải quyết TTHC |                   |                      | Ghi chú |
|--------------------|---------------------------------|----------------|--------------------------------|--------------------------------------|------------------------|--------------------------------|-------------------|----------------------|---------|
|                    | Chưa số hóa TPBS                | Có số hóa TPBS | Số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ | Tỷ lệ số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ |                        | Chưa số hóa kết quả            | Có số hóa kết quả | Tỷ lệ số hóa kết quả |         |
| 1                  | 2                               | 3              | 4                              | 5=4/1                                | 6                      | 7                              | 8                 | 9=8/6                |         |
| 270                | 1                               | 269            | 266                            | 98.52                                | 272                    | 0                              | 272               | 100                  |         |